

Bản án số: 79/2020/DS-ST
Ngày 19 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh 1992

Địa chỉ: ấp Tân Thành, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 05 năm 2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị L có tham gia hụi do chị N và anh T làm chủ hụi và chị N và anh T có tham gia hụi do chị làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/02/2018 âl, gồm 25 chung, hụi 01 tháng khui 01 lần, chị tham gia 01 chung, tham gia đến ngày 25/3/2020 mãn hụi nhưng chị N và anh T bỏ đi. Số tiền chị được hưởng trong dây hụi này là 500.000 đồng x 25 chung = 12.500.000 đồng.

- Dây thứ hai: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/9/2018 âl, gồm 26 chung, hụi 01 tháng khui 01 lần, chị tham gia 01 chung, tham gia khui được 17 kỳ, đến ngày 25/3/2020 chị N và anh T bỏ đi. Số tiền mỗi lần chị thực đóng khoảng 330.000 đồng, đóng được 17 kỳ x 330.000 đồng = 5.610.000 đồng.

- Dây thứ ba: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 05/02/2019 âl, gồm 39

chung, hội 01 tháng khui 01 lần, chị tham gia 04 chung, tham gia khui được 13 kỳ, đến ngày 25/3/2020 chị N và anh T bỏ đi. Số tiền mỗi lần chị thực đóng khoảng 330.000 đồng, đóng được 13 kỳ x 330.000 đồng x 4 chung = 17.160.000 đồng.

- Dây thứ tư: Loại hội 500.000 đồng, mở ngày 20/6/2019, gồm 33 chung, hội 01 tháng khui 01 lần, chị tham gia 02 chung, tham gia khui được thứ 09 kỳ, đến ngày 25/3/2020 chị N và anh T bỏ đi. Số tiền mỗi lần chị thực đóng khoảng 320.000 đồng, đóng được 09 kỳ góp x 320.000 đồng x 02 chung = 5.760.000 đồng.

Vào năm 2018 chị có mở các dây hội 1.000.000 đồng để hưởng hoa hồng làm kinh tế gia đình chị N và anh T có tham gia hai dây hội sau:

- Dây thứ nhất: Loại hội 1.000.000 đồng, mở ngày 20/01/2018 ãl đến ngày 20/8/2021 ãl, gồm 45 chung, chị N và anh T tham gia 03 chung, tham gia đến kỳ khui thứ 26 chị N và anh T hốt và sau đó bỏ đi đến nay. Số tiền chị phải đóng hội thay cho chị N và anh T trong dây hội này đến tháng 6/2020 là 03 kỳ x 1.000.000 đồng x 3 chung = 9.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Loại hội 1.000.000 đồng, mở ngày 10/5/2018 ãl đến 10/10/2021 ãl mãi, hội gồm 43 chung, chị L tham gia 03 chung, tham gia đến kỳ khui thứ 23 vào tháng 3/2020 chị N và anh T hốt và sau đó bỏ đi đến nay. Số tiền chị phải đóng hội thay cho chị N và anh T trong dây hội này đến tháng 6/2020 ãl là 03 kỳ x 1.000.000 đồng x 03 chung = 9.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 03/12/2019 chị Nhiên và anh T có hỏi mượn của chị L 10.000.000 đồng.

Nay, chị L yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thúy N trả cho chị tổng số tiền hội, tiền mượn và lãi hội là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị N và anh T theo quy định của pháp luật nhưng chị N và anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T trả cho chị tổng số tiền hội còn nợ 06 dây hội đến tháng 6/2020, tiền mượn và lãi. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị L xác định vào các ngày 15/02/2018 ãl, ngày 30/9/2018 ãl, ngày 05/02/2019 ãl và ngày 20/6/2029 ãl chị có tham gia 08 chung

hụi, trong 04 dây hụi 500.000 đồng do chị N và anh T mở.

Ngày 20/01/2018 âl và ngày 10/5/2018 âl chị có mở các dây hụi 1.000.000 đồng, chị N và anh T là hụi viên tham gia giao dịch 06 chung hụi trong 02 dây hụi và đã hốt hết các dây hụi đã tham gia, sau khi hốt hụi của chị đến tháng 3/2020 vợ chồng chị N và anh T bỏ địa phương đi không đóng hụi chết cho chị và không trả tiền hụi chị đã đóng cho chị N và anh T .

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L thấy rằng, chị L có tham gia 08 chung hụi, trong 04 dây hụi 500.000 đồng do chị N và anh T mở và đã đóng được số tiền sau:

- Dây 1: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/02/2018 âl, gồm 25 chung hụi mãin ngày 25/3/2020, nhưng chị N và anh T bỏ đi không giao chị số tiền 12.500.000 đồng.

- Dây 2: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/9/2018 âl chị L đóng mỗi kỳ khoảng 330.000 đồng, đóng được 17 kỳ x 330.000 đồng = 5.610.000 đồng.

- Dây 3: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 05/02/2019 âl chị L đóng mỗi kỳ khoảng 330.000 đồng, đóng được 13 kỳ x 330.000 đồng x 4 chung = 17.160.000 đồng.

- Dây 4: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 20/6/2019 âl chị L đóng mỗi kỳ khoảng 320.000 đồng, đóng được 09 kỳ góp x 320.000 đồng x 02 chung = 5.760.000 đồng.

Vào ngày 20/01/2018 âl, ngày 10/5/2018 âl chị L có mở các dây hụi 1.000.000 đồng, chị N và anh T là hụi viên tham gia giao dịch 06 chung hụi trong 02 dây hụi. Sau khi hốt các chung hụi đã tham gia, đến tháng 3/2020 chị N và anh T bỏ đi nên chị L phải đóng hụi thay cho chị N và anh T trong các dây hụi này đến tháng 6/2020 âl là 03 kỳ x 1.000.000 đồng x 06 chung = 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 03/12/2019 chị L có cho chị N và anh T mượn 10.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Căn cứ các tờ xác nhận ngày 10/7/2020 của Ngô Văn A, Lê Văn Đ ; Lê Văn Đ1; Nguyễn Văn L; Lê Văn K ; Phan Văn M ; Nguyễn Văn L1 ; Nguyễn Văn T cùng cư trú tại ấp T , xã T , huyện Đ là những hụi viên tham gia chơi hụi do chị L làm chủ và cùng chị L tham gia chơi hụi do chị N và anh T làm chủ trong các dây hụi xác định. Vợ chồng chị N và anh T có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng do chị L làm chủ, mở các ngày 20/01/2018 âl, ngày 10/5/2018 âl và cùng chị Lùng tham gia các dây hụi 500.000 đồng do chị N và anh T làm chủ. Trong quá trình tham gia hụi, các ông bà xác định vợ chồng chị N và anh T đã hốt tất cả các chung hụi của chị L làm chủ, cùng lúc tuyên bố ngưng hụi do chị N và anh T làm chủ và không thanh toán tiền cho các hụi viên. Cũng như, tại Điều 29, khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP quy định “...*Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có...*”

“...Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả...” Viển dẫn từ điều luật trên cho thấy, chị N và anh T đã vi phạm nghĩa nộp hui và giao hui (họ).

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...”*. Theo quy định trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N và anh T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng chị N và anh T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của chị L nên chị N và anh T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

- Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị L. Buộc chị N và anh T trả cho chị số tiền của 06 dây hui còn thiếu số tiền 60.000.000 đồng (Hui ngày 15/02/2018 âl số tiền 12.500.000 đồng + hui ngày 30/9/2018 âl số tiền 5.610.000 đồng + hui ngày 05/02/2019 âl số tiền 17.160.000 đồng + hui ngày 20/6/2019 âl số tiền 5.760.000 đồng + hui ngày 20/12/2018 âl và ngày 10/5/2018 âl thiếu đến tháng 6/2020 âl số tiền 18.000.000 đồng) mà chị L đã nộp hui cho chị N, anh T và 10.000.000 đồng tiền mượn, tổng số tiền 70.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N và anh T phải chịu số tiền là 3.500.000 đồng. (70.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

- Buộc Chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T trả cho chị Lê Thị L số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). (Trong đó nợ tiền 04 dây hui 42.000.000 đồng + tiền 02 dây hui thiếu đến tháng 6/2020 âl 18.000.000 đồng + 10.000.000 đồng tiền mượn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị L 4.525.000 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0010683 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Chị Đoàn Thúy N và anh Nguyễn Văn T phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N và anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam